

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỐ CHÚ

QUYỂN 8

(Phần 1)

Bỏ vọng về chân, giải thích tướng địa vị, có ba:

1. Nói về tu hành thứ lớp:

Trước do vô minh làm động tâm vắng lặng kia, từ tế đến thô, bèn thành ba tướng và hai điên đảo. Lại do thế giới hòa hợp liên kết nhau, căn trần đối nhau mà thành nghiệp tánh.

(Chín trăm hai mươi lăm) Mười hai khu vực, loại sinh khác nhau, trôi dạt trong biển khổ, như mức nước giếng, giống như hoa đốm trong hư không, đối với “trạm tinh minh” loạn sinh loạn diệt, đây đều là trần lao phiền não ô nhiễm chân tánh không được thanh tịnh. Nay muốn chuyển nhiễm quy về tịnh, trở lại cội nguồn, cho nên lập ra thứ lớp tu hành để đối trị.

Ở dưới có ví dụ rằng: như trong bình sạch đổ bỏ mật độc, dùng nước sôi và mùi tro tạt rửa sạch bình này, sau đó đựng cam lộ, từ thứ lớp này để lập địa vị. Văn có hai:

1) *Kết trước sinh sau, có hai:*

a) Kết nhân điên đảo ở trước:

Nầy A-nan! Chúng sinh như thế, trong mỗi loài cũng đều có mười hai điên đảo. Giống như bụi mắt hoa đốm phát sinh, làm điên đảo tâm diệu viên chân tịnh sáng suốt, đầy đủ như loạn tướng luống dối này. Chúng sinh vọng tâm, từ vô thủy huân tập hạt giống nghiệp khổ nhiều như cát sông Hằng, đâu chỉ mười hai lần tám mươi bốn ngàn phiền não. Cho nên mỗi loại lại có mười hai điên đảo, ở trong diệu viên, đều là tướng hoa đốm luống dối cuồng lao.

b) Pháp thứ lớp sau khi sinh:

Nay ông tu chứng Tam-ma-đề, đối với nhân loạn tướng, lập ba thứ lớp, mới được trừ diệt. Như trong bình sạch đổ bỏ mật độc, dùng nước sôi hương tro tạt rửa sạch bình ấy, sau đó đựng cam lộ, chân tâm như cái bình, điên đảo như mật độc, nước sôi là giới định định tuệ, rửa sạch là tu

tập, cam lộ là Vô Sinh Nhẫn, hoặc vốn vô cấu, cũng không tu chứng, tức có tu chứng, phải đủ các nhân. Cho nên ba thứ này làm gốc.

2) Nói về tu hành, có hai:

a) Gạn nêu:

Thế nào là ba loại tiêm thứ?

a.1) Tu tập để trừ trợ nhân.

Tu chân thật để bày chánh tánh:

Trước hỏi đến thứ lớp nào mới được mục đích tu hành, nay đây chính là tu hành chánh danh thứ hai. Cho nên nói tu chân thật.

Tăng tiến trái với hiện nghiệp:

Năm thứ rau cay gọi là trợ nhân, vì trợ giúp cho nghiệp phiền não. Dâm, đạo, sát, vọng làm chánh tánh. Vì cội gốc sinh tử chính là giải thoát, cắn trần đối nhau, trôi dạt khắp nơi. Chính là nghiệp dụng hiện hành của vô minh, cho nên dứt trừ nó, mổ xẻ nó, chống trái nó, nếu ba hành dần dần mê đắm, công dụng dần dần thành tựu, sáu dụng không hiện hành, quay lại một dòng, tròn đầy bình đẳng, thân tâm vui vẻ, người này đạt được pháp nhãn Vô Sinh.

b) Giải thích riêng, có ba:

b.1) Dứt trợ nhân, có hai:

* Chỉ chung thức ăn là trợ nhân:

* Thế nào là trợ nhân?

Này A-nan! Như mười hai loại sinh của thế giới này, không thể tự toàn vẹn, y theo bốn thứ thực ăn mà trụ, đó là đoạn thực, xúc thực, tư thực, thức thực. Bởi vậy, Phật nói tất cả chúng sinh đều nương vào thức ăn mà trụ.

Đều nương vào thức ăn mà trụ: Thức ăn là tư liệu làm lợi ích các căn và đại chủng, pháp tâm, tâm sở có công năng sinh ra ưa thích chấp trì nối nhau. Cho nên có bốn loại:

Đoạn là chia đoạn, vì hương, vị, xúc ở cõi Dục khi nó tiêu hóa thay đổi thì có nghĩa giúp ích, mới gọi là Thực. Xúc thực là căn, cảnh, thức hòa hợp lại. Có công năng dẫn ý thức tương ưng xúc khởi. Xúc đối với cảnh trước mắt sinh ra ưa thích. Vì là chất liệu làm lợi ích các căn và tâm, tâm sở.

Tư thực: Tương ưng với ý thức, tư và dục đều chuyển, có thể đối với ý cảnh, hy vọng thù thắng, vì có nghĩa là giúp ích.

Thức thực: Là thức thứ tám. Do ba thứ thực trước làm duyên trợ giúp cho thế lực, làm cho thế của thức thứ tám có tăng thêm. Cho nên có công năng giữ gìn các căn và đại chủng, có thể làm nhân nuôi lớn

các pháp, có nghĩa thâm nhiếp lợi ích, nên gọi là Thực.

b.2) Chỉ riêng lỗi ăn năm thứ rau cay, có ba:

- Khuyên dứt bỏ:

A-nan! Tất cả chúng sinh, ăn ngọt cho nên sống, ăn thức ăn độc cho nên chết. Các chúng sinh này mong được Tam-ma-đề thì phải dứt năm thứ rau cay. Vì có nghĩa giúp ích, đều gọi là ngọt, bất chánh tiêu biến làm hoại thân tâm, đều gọi là độc. Năm thứ rau cay là: Hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ. Năm thứ này tánh nóng, khí hăng vị cay. Người tu hành ăn nó thì giết chết pháp thân, như ăn chất độc, cho nên không được ăn.

- Chỉ lỗi, có hai:

+ Hiện đồng quỷ trụ:

Năm thứ rau cay này, ăn chín thì sinh dâm dục, ăn sống thì thêm tức giận, người thế gian ăn năm thứ rau cay ấy dù giảng nói được mười hai bộ kinh, nhưng mười phương thiên tiên đều chê hôi thối, thấy đều lánh xa. Các naga quỷ đến liếm môi người kia, thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng mất, không hề có lợi ích, căn bản sinh tử không gì hơn dâm và sát. Năm thứ rau cay này có công năng giúp sức, lại thêm mùi hăng uế, dẫn đến các tà ác làm ô uế đạo thanh tịnh. Cho nên các vị trời có phước đức lánh xa, không được lợi ích, ở chung với quỷ, tăng thêm sự si hoặc, mất đạo chân chánh. Người tu Tam-ma-địa đâu không cẩn thận?

+ Rốt cuộc làm dân ma:

Người ăn năm thứ rau cay này tu Tam-ma-địa, Bồ-tát thiên tiên, thiện thần mười phương không đến che chở. Đại lực quỷ vương được dịp hiện thân Phật đến nói pháp, chẳng hủy giới cấm mà khen ngợi dâm nộ, si. Khi người ấy qua đời tự làm quyến thuộc của ma vương, thọ phước của loài quỷ hết rồi, đọa vào địa ngục vô gián, mùi hăng nồng ấy chẳng phải Thánh ý, cho nên không che chở. Quỷ không trì giới, mà tu tà định và tu phước thế gian, liền chiêu cảm bọn ma, dùng năng lực phước định, lại thuận sinh báo, phá hủy cấm nhiếp, về sau mới thọ. Cho nên nói phước hết đọa địa ngục.

- Kết thành tu hành:

Nầy A-nan! Người Tu hành Bồ-đề bỏ hẳn không ăn năm thứ rau cay, đó chính là tăng tiến tu hành tiệm thứ, thứ nhất.

b.3) Khai mở chánh tánh, có hai:

* Khuyên trì giới, có hai:

- Chánh khuyên chỉ trì, có ba:

+ Chánh nói:

Thế nào là chánh tánh?

Nầy A-nan! Chúng sinh ấy nhập Tam-ma-địa trước phải nghiêm trì giới luật thanh tịnh, dứt hẳn tâm dâm, không uống rượu ăn thịt, dùng lửa nấu chín thức ăn, không ăn đồ sống.

Chánh tánh: Vì tánh của sát, đạo, dâm này là nguyên nhân gây tội, lại là tánh căn bản của sinh tử. Nhưng uống rượu hợp làm trợ nhân, nay vì chánh tánh tội ác còn sâu dày hơn năm thứ rau cay. Dùng lửa nấu chín thức ăn là so sánh cạn với sâu, quả sống còn phải nấu chín, hướng chi uống rượu, ăn thịt, dâm dục, trộm cắp, giết hại, nói dối, Niết-bàn phải giữ giới ngăn ngừa chệch bại, cùng với tánh trọng v.v... cho nên phải đề phòng để khỏi dẫn đến lỗi lớn.

+ Hiền bày ngược lại:

Nầy A-nan! Người tu hành này nếu không dứt dâm dục và tội sát sinh mà ra khỏi ba cõi thì không có việc đó, các công đức xuất ly đầu thế, từ trong dâm đạo, sát, vọng mà được? Chắc chắn không phải như vậy?

+ Thuận kết:

Phải quán dâm dục giống như rắn độc, như thấy kẻ thù, rắn độc và kẻ thù có công năng giết chết thân đời này mà không thương tổn đến pháp thể, nhưng dâm dục có thể làm thương tổn pháp thân tuệ mạng. Người tu hành chân chánh cần phải dứt bỏ.

Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát quán ái có chín lỗi lớn.

Như nợ có dư

Như vợ của la-sát

Như cảnh hoa đẹp có rắn độc.

Như đồ ăn không nên ăn mà ăn đại.

Như dâm nữ

Như trái ma-lâu-ca

Như cục thịt trong ung nhọt

Như gió mạnh

Như sao chổi.

Văn dưới nói: Các Đức Như-lai mười phương mắt thấy sắc hành dâm đều gọi là lửa dục, Bồ-tát quán dục tránh xa như tránh hầm lửa.

Dạy thực hành thứ lớp:

Trước giữ bốn tội khí, tám tội khí của Thỉnh Văn, giữ thân bất động. Sau đó mới thực hành luật nghi thanh tịnh của Bồ-tát, giữ tâm không khởi. Tỳ-kheo bốn giới trọng, Tỳ-kheo-ni thêm bốn giới nữa.

Nghĩa là xúc chạm tám thứ che lấp, nên gọi là tám khí.

Tiếng Phạm là ba-la-di, Hán dịch là Khí. Nghĩa là người phạm giới này bị bỏ hẳn ra ngoài biển Phật pháp. Giống như biển lớn không chứa thầy chết, nên gọi là Khí, người vào đạo Đại thừa thì phải học Tiểu thừa trước.

Kinh Thập Luân nói: Nếu không học Tiểu thừa trước mà học Đại thừa trước thì không có việc ấy, cho đến nói: Không có sức uống nước ao hồ thì đâu thể nuốt hết biển lớn.

Bởi vậy, tất cả Bồ-tát phải học ba thừa trước, chỉ không rớt ráo chúng ở Tiểu thừa.

Nói về lợi ích, có hai:

- Xa lìa nhiều tội lỗi.

Giới cấm thanh tịnh thì thế gian không bao giờ có nghiệp sinh nhau, giết nhau, trộm cướp không hoành hành, không có nợ nhau, cũng không còn nợ xưa với thế gian. Nếu ba duyên dứt thì ba nhân bất sinh. Bởi vậy, thế gian không có báo thù nhau, tất cả đều do giữ giới mà thành tựu.

- Được nhiều thần dụng.

Là người thanh tịnh tu Tam-ma-địa, nhục thân do cha mẹ sinh ra, không cần mắt trời, tự nhiên quán thấy các thế giới ở mười phương, thấy Phật nghe pháp, đích thân vâng theo ý Thánh, được thần thông rộng lớn, đi khắp các thế giới ở mười phương. Túc mạng thanh tịnh, không có gian nan. Đây là tăng tiến tu hành tiệm thứ thứ hai, người trì giới thanh tịnh việc ma không sinh khởi, quán hạnh thành tựu, cho nên sẽ phát dụng. Đối với thân do cha mẹ sinh ra được tương tự năm thông. Đây đồng với quán hạnh trì kinh Pháp Hoa, hiện đời được sáu căn thanh tịnh.

Vấn nói: Tuy chưa được mắt trời nhưng dùng mắt do cha mẹ sinh ra, vẫn thấy hết khắp thế giới Tam thiên.

Trái với hiện nghiệp, có ba:

- Trở về dòng toàn nhất.

Thế nào là hiện nghiệp? Nay A-nan! Người giữ giới cấm thanh tịnh như thế, tâm không tham dâm, đối với sáu trần bên ngoài không buông lung, là do trước mà khởi sau. Giới cấm thanh tịnh đã tròn đầy, quán hạnh đã thành tựu, đối với sáu trần cảnh đã biết là hư huyễn, không bao giờ tin tưởng, mặc tình buông lung vọng có chấp trước.

Vì không buông lung, tự trở về nguồn cội, trần đã không duyên, căn không có đối, trở về cội nguồn toàn nhất, sáu dụng không hiện hành, chính là trái với hiện nghiệp. Đã không theo trần, lại trở về nguyên

tánh. Trong nguyên tánh vốn không có căn trần, lấy gì làm đối xứng. Căn cảnh không sinh thì sáu dụng không khởi, chỉ là một thể tròn đầy thường còn, diệu giác sáng rõ. Ở đây đồng với Quán Âm viên thông, sinh diệt đã diệt, vắng lặng hiện tiền. Cho nên kệ ở trên nói: Một xử thành rồi trở lại, sáu dụng đều không thành, bụi nhỏ ngay đó tiêu tan, thành tròn sáng nhiệm mầu.

- Đắc Vô Sinh Nhẫn.

Các cõi nước mười phương rõ ràng thanh tịnh. Ví như trong viên lưu ly vắng trắng báu. Điều này nói lên chứng chân tướng, cõi nước dung thông chân thật, thể tròn sáng hiện cho nên như trong lưu ly có mặt trắng báu.

Thanh tịnh là nghĩa không, là trong cái giả không của vắng trắng báu trong lưu ly, cho nên kinh Viên Giác nói:

Giác tròn sáng cho nên nói lên tâm thanh tịnh. Vì tâm thanh tịnh cho nên một thế giới hoặc nhiều thế giới cũng thanh tịnh v.v... Thân tâm vui vẻ, diệu viên bình đẳng, được an ổn hoàn toàn, trước thế giới tròn sáng thì thân tâm tròn sáng, vốn do mê mờ điên đảo thân và tâm. Bên ngoài đến núi sông, hư không, mặt đất, đều là vật trong chân tâm mầu sáng, nay trở về nguồn. Cho nên thâm tâm thế giới đều tròn mầu bình đẳng, lại không có khác nhau, pháp giới một tướng, mới chứng cảnh này vui sướng an ổn, tức phần được chỗ Niết-bàn an vui.

Tất cả Như-lai mật viên tịnh diệu đều hiện trong đó, điều này được thắng đức, tức là sở chứng lý hiển.

Hiện là hiển phát, ba thứ lý, trí, hạnh gọi là mật viên tịnh, là ba đức của Niết-bàn. Trong mỗi đức có đủ tất cả pháp.

- Ba, một vô ngại nên gọi là Diệu.

Ba thứ pháp này là chỗ chứng của Chư Phật, là quả đức của Phật, nhiếp hết ba đời Phật pháp mười phương. Ngày nay đối với một niệm này hiển hiện thông đạt vô ngại. Cho nên nói đều hiện trong đó.

Người này được Vô Sinh Pháp nhẫn, cuối cùng sẽ chứng chân như thật tướng gọi là pháp Vô sinh. Chân trí Vô lậu gọi là Nhẫn, khi được trí này. Nhẫn có công năng ấn trì pháp không sinh lý, chắc chắn không sai, cảnh trí đều sáng gọi là Vô Sinh Nhẫn. Kinh Hoa Nghiêm nói là Sơ trụ, kinh khác là Sơ địa, là đắc Nhẫn vị. Nay trải qua tiệm thứ thứ ba nên được nhẫn này. Thuyết khác nói, trong Nhẫn này, tùy sở chứng được không khác mà khác, tức lập các giai vị, cho nên gọi là Thánh vị. Đây chính là sơ tiệm thứ chánh tu quán hạnh. Tiệm thứ thứ hai là quán thành nhập tợ. Tiệm thứ thứ ba đã nói được Vô sinh nhẫn. Tức đồng với

Sơ trụ đến giai vị Đẳng Giác.

Kết hiển lập vị:

1. Từ tiệm tu này, tùy theo phát hạnh mà an lập Thánh vị. Đây gọi là tăng tiến tu hành tiệm thứ ba. Từ tiệm thứ ba này, khởi bất cứ hạnh nào, tùy hạnh mà thêm nghĩa để lập danh vị, không lìa mật viên tịnh diệu cảnh trí hạnh ở trước.

2. Nói về địa vị khác nhau:

Hễ nói về địa vị đều là cảnh giới Chư Phật, Bồ-tát đích thân chứng đắc. Y theo thứ lớp đoạn phục, phát chân diệu dụng, công lực sâu cạn để lập vị thứ.

Luận Khởi Tín nói: Tương tự giác, Tùy phần giác, Cứu cánh giác, để phân ra các giác vị địa tiền, địa thượng và rốt ráo vị.

Kinh Hoa Nghiêm và luận Trí Độ nói: *Y theo nhập biển lớn, nói về công dụng sâu cạn, nhưng chậm mau có khác, chia ra căn tánh lợi độn. Như trải qua đường dài mà không biết số dặm. Các kinh Đại thừa nói: Nếu nói pháp giới bình đẳng, không có Phật, không có chúng sinh, thì không có địa vị để lập: Như Kinh Hoa Nghiêm nói: Chúng sinh vọng phân biệt có Phật có thế giới. Nếu liễu ngộ pháp tánh chân thật, thì không có Phật, không có thế giới.*

Kinh Lăng-già nói: *Không có Phật Niết-bàn, cũng không có Niết-bàn Phật, xa lìa giác, sở giác. Lại nói: Vắng lặng chân như có gì tiệm thứ?*

Văn trên nói: Tánh mẫu tròn sáng là các danh tướng. Xưa nay không có thế giới và chúng sinh. Điều này làm cho quán nhất chân pháp giới. Xưa nay bình đẳng, không tu không chứng cũng không mê ngộ. Cho nên không có địa vị để lập. Điều này hiển bày môn tâm chân như. Nếu y vào tâm sinh diệt môn thí có mê có ngộ, biết rõ tu chứng khác nhau. Lại, Viên đốn Đại thừa không gì hơn các kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Nhân Vương, Anh Lạc, Đại Phẩm, Pháp Hoa. Tuy nói pháp giới bình đẳng không nói không bày, mà hạnh vị Bồ-đề đều tự sáng tỏ. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: Không nói địa vị cho chúng sinh độn căn thấp kém nghe.

Kinh Nhân Vương nói: Nếu nói vượt qua địa vị này được thành Phật là lời ma nói. Điều này khác với ngoại đạo, thiên ma, chúng cho rằng được giác đạo vô thượng không nói địa vị. Nay nói lên Phật pháp có công đức không thể suy nghĩ bàn luận, vô lượng kiếp tu hành, nhân tròn quả đầy mới gọi là rốt ráo.

Lại các kinh luận kiến lập địa vị ít nhiều khác nhau. Kinh Nhân

Vương có năm mươi một vị, kinh Anh Lạc có năm mươi hai vị, kinh Hoa Nghiêm có bốn mươi một vị, Đại Phẩm có bốn mươi hai vị, kinh này có năm mươi bảy vị. Văn dưới lại nói: (chín trăm hai mươi bảy) sáu mươi Thánh vị. Lời của các bậc Thánh khác nhau, hoặc khai hoặc hợp, đều là một ý. Nếu theo vị thứ Viên giáo của Thiên Thai đối với kinh này thì có đồng có khác. Vì đồng cho nên Địa Tiền đều là chứng vị. Vì khác nên tâm Càn Tuệ chính là tiệm thứ thứ ba. Đối với Vô Sinh Nhẫn tùy nghĩa kiến lập, khác với Thiên Thai khi nhập Sở trụ mới chứng Vô Sinh Nhẫn.

Văn có chín:

1. Địa Càn Tuệ:

Này A-nan! Người Thiện nam này ái dục cạn khô, trì giới thanh tịnh, lìa hẳn tham dâm, nên gọi là Sơ càn, tức là dứt chướng phiền não. Nghĩa càn có hai:

- a) Dục hết nên gọi là Càn.
- b) Chỉ có tuệ gọi là Càn.

Nay nghĩa đầu căn cảnh không đối, do năng lực Tam-muội trở lại cội nguồn, hoàn toàn đồng nhất phá sở tri chướng.

Chất dư tàn ở hiện tại, không còn tiếp tục sinh nữa, báo chướng đã hết. Vì quên dục ái, không có căn nhuận hoặc, căn cảnh không đối cho nên không có nghiệp tánh. Dầu có hạt giống nghiệp khổ, nhưng vô nhuận bất sinh, hết báo thân này không còn nối nhau, tức là sinh về cõi Thật báo trang nghiêm. Điều này chính là hoặc, nghiệp, khổ đã mất, không có lý nhuận sinh, tức là nghĩa càn. Tâm chấp rỗng rang sáng suốt, thuần là trí tuệ, tánh tuệ tròn sáng, chiếu khắp các cõi mười phương.

Giới định đã tròn, từ đây phát tuệ, tức là chuyển ba chướng, trước thuần thành trí tuệ, ánh sáng trí tuệ phát sáng, rực rỡ khắp các cõi mười phương, tức là nghĩa Tuệ. Càn có trí tuệ ấy gọi là địa Càn Tuệ: Là kết luận về tên, ở đây tức là có, nên ở trước nói Thuần.

Đã nói: Tùy chỗ phát hạnh an lập Thánh vị. Cho nên y theo dục thì khô cạn quy về một dòng, thuần thành trí tuệ, chưa thấm biển quả, và nước của dòng pháp, cho nên được gọi tên này. Đây y theo nghĩa nói trong Vô Sinh Nhẫn, cho nên như thế.

Chân nghĩa là viên dung không ngại hành bố. Ở dưới điều mô phỏng theo đây.

2. Vị Thập Tín, có hai:

- a) Nhiếp nêu bày chung ở trước:

Muốn học tập Sơ càn, chưa tiếp nối với dòng pháp của Như-lai:

Nghĩa là Nhiếp tiền Càn Tuệ, mới lập ra càn, dục ái, quả pháp chưa thấm nhuần, tức là dùng tâm này làm phương tiện cho tín. Nêu Như-lai để nói lên quả pháp này. Dưới đây là nêu chung.

Tức dùng tâm này, trung trung lưu nhập, mẫu nhiệm mở bày: Đây là nêu, tức là dùng trí trong Càn tuệ này hợp với lý Trung đạo, lý trí đều Trung đạo, nên gọi là Trung trung.

Lại vì lia tất cả tướng, hai bên đều chiếu soi, hai đế đều chân thật. Lại trí ở đây niệm niệm nối nhau mà tiên lên thượng vị cho nên nói trung trung lưu nhập. Nói lưu nhập là nói lên không có công dụng nhậm vận mà tiến, để chứng Trung đạo, tự nhiên chảy vào biển khổ Ta-bà. Đây là tăng thêm một lần trí đoạn Công năng. Cho nên nói mẫu nhiệm mở bày. Đây là tâm Càn Tuệ, tăng thêm sáng suốt quán trí cho là phương tiện, được vào Thập Tín.

Từ Chân diệu viên, lại phát chân diệu là giải thích. Câu trên là giải thích tâm này lưu nhập, câu dưới là giải thích mẫu nhiệm mở bày.

b) Chia ra mười tâm, có mười:

b.1) Tín Tâm:

Diệu Tín thường trụ, tất cả vọng tưởng dứt hết không còn, trung đạo thuần chân, gọi là Tín tâm trụ, dùng trí Trung đạo chứng nhất thể Tam bảo pháp giới, về thật đức có thể nhận sâu xa về lạc dục, thâm hợp với thường trụ, tâm mẫu thanh tịnh, gọi là diệu tín. Tín này tức lý, cũng gọi là Thường trụ.

Tất cả vọng tưởng dứt hết không còn tức là dứt chướng sở tri, vô minh trụ địa dứt một thì dứt khắp. Ban đầu do mê giác mà thành bất giác. Nay trí viên diệu đã phát, lại bất giác thành giác. Cho nên nói tất cả dứt hết không còn.

Trung đạo thuần chân là diệu trí quyết định, không nghiêng lệch, không tà vọng, là chánh nhân của Phật, không tạp ngụy vọng, cho nên nói thuần chân, và pháp vô trụ tức là trụ trong đó, nên gọi là trụ. Trong kinh phần nhiều nói hai vị địa, trụ là chỗ phát chân. Nay đối với Càn Tuệ Tín vị mà lập, biểu thị là chứng chân, chẳng phải tợ giải.

Niệm tâm:

Chân tín minh liễu, tất cả viên thông, ba thứ ấm, xứ, giới không thể làm ngăn ngại, nhiếp tín tâm ở trước, diệu tín thường trụ, không lệch không tà, thuần nhất chân như, nên nói là chân tín minh liễu.

Nhất thiết viên thông: liễu rõ ba khoa pháp đều là như, vô minh vọng tưởng đã mất, ấm giới tự nhiên giải thoát, cho nên nói: không thể làm ngại.

Như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ vị lai, xả thân thọ thân tất cả thói quen, đều hiện ở trước. Người Thiện nam này có khả năng nhớ nghĩ không quên sót gọi là Niệm tâm trụ. Nếu Vọng tưởng còn, cõi âm làm ngại quên mất phiền não tùy theo đây mà sinh, nay đã vọng diệt ấm tiêu, quá khứ và vị lai như một, không xa không gần, chỗ trải qua chưa trải qua một niệm hiện tiền. Đây là túc mạng quá khứ, mắt trời ở vị lai nhớ rõ không mất, nên gọi là niệm.

Tâm Tinh Tấn.

Diệu viên thuần chân, chân tinh phát hóa, tập khí vô thủ chung một tinh minh. Chỉ lấy tinh minh tiến đến chân tịnh gọi là tâm tinh tấn. Tịnh tịnh viên diệu không xen lẫn hai bên, không luống dối vọng tưởng, nên nói là thuần chân, hiện dụng tự tại, nên gọi là phát hóa, mới dụng thông được tập khí. Chỉ một tinh chân, dùng tinh tiến chân thật tiến lên lên hạnh chân tịnh, nên gọi là tinh tiến.

Tuệ tâm.

Tâm tinh hiện tiền, thuần dùng trí tuệ gọi là Tuệ tâm trụ, tâm chân tinh minh liễu hiển hiện. Tâm hiện tiền này thuần là viên trí, dụng gọi là tuệ tâm, trí và tuệ nói hai bên.

Định Tâm:

Chấp trì ánh sáng trí tuệ, vắng lặng khắp nơi, vắng lặng bất động gọi là Định Tâm trụ. Trí chiếu ngưng minh, không động không loạn, chiếu mà thường tịch, vắng lặng bất động, nên gọi là tâm định.

Tâm Bất thối.

Ánh sáng Định phát minh, tánh sáng thâm nhập, chỉ tiến không lùi, gọi là tâm Bất Thối.

Ánh sáng trí tuệ thiền định phát minh lẫn nhau, đối với lý, đối với hạnh càng sâu càng tiến nên gọi là Bất thối.

Tâm Hộ pháp:

Tâm tiến đến an nhiên, giữ gìn không mất, các Đức Như-lai mười phương phân khí giao tiếp gọi là Tâm Hộ Pháp. Tịch chiếu tăng tiến chẳng động, chẳng thối, nên gọi là an nhiên, bảo nhậm hộ trì, làm cho thông hợp sáng tỏ với Phật, nên gọi là giao tiếp, vì bảo trì nên gọi là Hộ Pháp.

Tâm Hồi Hưởng:

Giác minh bảo trì, có thể dùng diệu lực, hồi hưởng về ánh sáng từ của Phật, hưởng về Phật an trụ. Giống như hai gương sáng đối nhau, trong đó hình ảnh đẹp đẽ nhiều lớp nhập vào nhau. Gọi là Tâm hồi hưởng. Do tịch chiếu ở trước hiển phát bảo trì không lui sụt, diệu dụng

manh mẽ sẽ cảm được quả đức, vì hiện ở trong tâm, nên nói là hồi hướng về ánh sáng từ cửa Phật. Tịch chiếu này nhân quyết định có thể cảm quả không có trái mắt. Cho nên nói hướng về Phật an trụ. Trong quả hiện tướng nhân, trong nhân hiện tướng quả, nhân quả không hai, cùng hiện cùng nhập, Cho nên nói hình ảnh đẹp đẽ nhiều lớp nhập vào nhau gọi là Tâm Hồi Hướng.

Giới tâm:

Tâm quang mật hồi, được diệu tịnh vô thượng, thường bất động của Phật, an trụ vô vi, không bị sót mất, gọi là Giới tâm trụ: chính là tịch chiếu, nên gọi là Tâm quang. Chiếu tức tịch gọi là tâm quang, tịch tức chiếu gọi là thường bất động của Phật. Đây chính là định tuệ tròn đầy, lia hai bên, tánh nhiệm đoạn cũng không (chín trăm hai mươi tám) nên gọi là Vô thượng diệu tịnh. Hai bên bất động gọi là vô vi tác, nên nói an trụ vô vi, được không sót mất là giới tròn sáng. Đây chính là định đạo viên dung, lia nhiệm vọng tướng, nên gọi là giới tâm.

Tâm nguyện:

Trụ giới tự tại, có khả năng đến khắp mười phương, việc đi tùy nguyện, gọi là tâm nguyện trụ, giới căn viên dung, quá nhiều không câu nệ, nên nói là tự tại. Lấy đây làm chân đi khắp các cõi, ở mười phương diệu dụng hiện tiền, làm được bất cứ lợi ích nào, nên nói là Tâm nguyện.

3. *Thập Trụ, có mười:*

1) Phát Tâm Trụ:

Này A-nan! Người thiện nam này dùng phương tiện chân chánh để phát mười tâm này, tâm tinh phát sáng, mười dụng khéo nhập vào một tâm viên thành gọi là Phát Tâm trụ, phương tiện là rỗng không, mười phương là giả mượn. Là trong một tâm, viên dung tuệ nhiệm mâu gọi là phương tiện chân thật. Do tuệ nhiệm mâu này mà phát khởi Thập Tín. Vì mười tâm này vốn là một tánh đầy đủ công đức, do tuệ nhiệm mâu phát làm cho mỗi tâm đều đủ mười tâm, mười dụng vô ngại, một nhiều qua lại với nhau, chỉ là nhất tâm. Tâm chính là bí tạng, nay đối với tạng này khai phát hiển hiện, vì không trụ pháp là trụ trong đó, nên gọi là Phát Tâm Trụ.

2) Trị địa trụ:

Trong tâm phát minh, như trong lưu ly sạch hiện vàng nguyên chất, dùng tâm mâu nhiệm ở trước bước lên đất thành. Gọi là trị địa trụ. Lưu ly như hư không, ở trong vàng nguyên chất. Hiện tức là giả, báu tịnh vàng nguyên chất ánh hiện lẫn nhau, vô ngại dung thông chẳng

một chẳng khác, cùng tâm mẫu ấy làm chỗ y cứ, sau đó sinh ra vô lượng đức dụng, nên gọi là Trữ Địa.

3) Tu Hành trụ:

Tâm địa liên hệ đến cái biết, đều được hiểu rõ, đi khắp mười phương không hề ngăn ngại, nên gọi là Tu hành trụ. Tâm địa pháp giới chính là một tâm trước, hạnh mẫu có liên kết, trí mẫu có thể biết, lý trí hạnh tư tại viên dung không bị dính mắc hai bên, gọi là vô lưu ngại. Sự tu hành chân chánh này gọi là Tu Hành Trụ.

4) Sinh Quý trụ:

Hạnh đồng với Phật, thọ khí phần của Phật. Như thân trung ấm tự tìm cha mẹ, ấm tín thâm thông hợp, vào hạt giống Như-lai, gọi là Sinh quý trụ. Trí hạnh mẫu nhiệm, quả đức minh thông. Cho nên nói hạnh đồng với Phật. Tự nhiên hợp với hạt giống từ của Phật, gọi là thọ khí phần của Phật.

Như thân trung ấm tự tìm cha mẹ, dùng hai trí quyền thật của Phật làm cha mẹ. Cho nên kinh Duy-ma nói: Trí là mẹ hoá độ Bồ-tát, phương tiện làm cha, đã phân vào quả trí thâm hợp quả đức. Cho nên nói thâm thông hợp vào hạt giống Như-lai.

5) Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

Đã đi vào thai đạo, đích thân thờ phụng biết noi theo, nêu thai xong rồi thành tướng người không thiếu, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ, vì tự hành, hóa tha, Nhất-thiết-chủng-trí đầy đủ thành tựu, gọi là tướng người không thiếu.

6) Chánh Tâm trụ:

Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng gọi là Chánh Tâm trụ, Nhất-thiết-chủng-trí, tự lợi lợi thọ, tức dụng hiển hiện, gọi là dung mạo. Vô duyên từ bi gọi là Tâm. Cho nên Quán Kinh nói: Tâm Phật là đại từ bi. Bồ-tát này phân được dụng ấy, gọi là đồng.

7) Bất Thối trụ:

Thân tâm hợp thành, ngày càng thêm lớn gọi là Bất Thối trụ, Nhất-thiết-chủng-trí từ bi tướng dụng, hòa hợp thành tựu, mặc cho thêm lớn không có lui sụt gọi là Bất Thối.

8) Đồng Chân trụ:

Mười thân linh tướng, một lúc đầy đủ, gọi là Đồng Chân trụ. Mười thân linh tướng là mười thân Lô-xá-na. Đó là: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, thân Như-lai, pháp, trí, không, nghiệp, chúng sinh và cõi nước. Lại thân Như-lai đầy đủ mười loại: là Bồ-đề, nguyện, hóa, lực, trang nghiêm, oai thế, ý sinh, phước, pháp, trí. Mười diệu ứng này giống như

màu sắc viên ngọc sáng hiển hiện tự tại. Tức là diệu dụng chứng trí không thể suy nghĩ bàn luận. Trí thể vốn đầy đủ, tùy theo chỗ nào chướng hết mà được hiển hiện. Đã dùng hai trí quyền thật đại bi huân tu, công dụng thuần hiển, tuy chưa vẹn toàn như Phật nhưng được từng phần diệu dụng, ngay một thân hiện vô lượng thân. Kinh Hoa Nghiêm nói: Tuy chưa đầy đủ Nhất thiết trí mà đã được năng lực tự tại của Như-lai.

9) Pháp Vương Tử trụ:

Hình thành ra khỏi thai, đích thân làm Phật tử, gọi là Pháp Vương tử trụ. Mười thân đầy đủ nên gọi là hình thành. Xuất nhân hiển quả nên gọi là xuất thai, kham nhận kế thừa, nối tiếp làm hưng thịnh Phật pháp, gọi là Pháp Vương Tử trụ.

10) Quán Đảnh Trụ:

Bề ngoài đã thành người, như vua một nước, giao việc nước cho Thái tử. Thái tử con vua sát-lợi kia khi lớn lên được làm lễ Quán đảnh, gọi là Quán Đảnh trụ. Hạnh nguyện bên trong đầy đủ, từ bi bên ngoài hiển phát, đức tướng dần dần thành.

Công đức hóa độ đã thấm nhuần, nên gọi là bên ngoài thành người, Ở các thế giới mười phương kể là bổ Phật xứ, có khả năng phó chúc, truyền pháp lợi sinh. Cho nên giống như nhà vua giao việc nước cho Thái tử làm lễ quán đảnh.

Hỏi: Theo kinh Hoa Nghiêm thì Bồ-tát Sơ Trụ có khả năng thành Phật giáo hóa chúng sinh, vì sao đến trụ thứ mười mới gọi là làm lễ quán đảnh, biểu thị thành Phật ư?

Đáp: Giáo viên dung, hai kinh rất giống, vì hành bố không ngại Viên dung. Kinh Hoa Nghiêm nói Sơ Trụ có khả năng thành Phật. Vì Viên dung không ngại hành bố. Nay Thập Trụ mới xếp vào Quán đảnh. Cho nên kinh kia nói trụ xứ của Bồ-tát rộng lớn như hư không.

Lại nói: Khi mới phát tâm, liền thành Chánh giác, biết rõ tướng chân thật của các pháp, tất cả sự nghe pháp không do người mà ngộ. Tu đầy đủ mười thứ trí lực, rốt ráo lìa luống dối, chẳng nhiễm như hư không, thanh tịnh Pháp thân mẫu, vắng lặng ứng tất cả. Cũng đồng với Đại Phẩm nói: Từ khi mới phát tâm liền ngồi đạo tràng, xoay bánh xe pháp độ chúng sanh, phải biết Bồ-tát này giống như Phật.

Nay kinh nói: Mười dụng liên kết nhập viên thành một tâm. Lại nói mười thân linh tướng một lúc đầy đủ. Trên đây là nói một vị đầy đủ các vị, tức là viên dung không ngại hành bố khắp nơi.

Lại Kinh Hoa Nghiêm nói Bồ-tát Thập Địa mới nói về thọ chức.

Trụ thứ mười trong kinh này nói về trần liệt Quán đảnh, tức là Viên dung không ngại hành bố.

Viên dung là nói theo chiều ngang, hành bố là nói theo chiều dọc. Cả hai không chướng ngại, hai kinh rất giống nhau, nên nói là vô ngại.

Nói trần liệt quán đảnh, Kinh Hoa Nghiêm nói: Vua Chuyển Luân sinh Thái tử, mẹ là chánh hậu, thân tướng đầy đủ, ngồi trên voi trắng, toà vàng ròng, tấu các âm nhạc, Vua rót nước trong bốn biển vào bình vàng, rưới lên đầu Thái tử. Lúc đó, chính là thọ chức vị vua. Bồ-tát nhận chức cũng như thế, nước trí của Chư Phật rưới vào đầu Bồ-tát gọi là thọ chức Bồ-tát đại trí. Kia nói Địa thứ mười mới là thọ chức. Nay Thập Trụ này đã gọi là Quán đảnh. Cho nên nói thọ chức kia là y theo rốt ráo. Ở đây y theo phần đặc lại trong Vô Sinh nhẫn một vị đầy đủ các vị, cho nên nói chung là qua lại.

4. Vị Thập hạnh, có mười:

1) Hoan hỷ hạnh:

Nầy A-nan! Người thiện nam này thành Phật rồi, đầy đủ vô lượng đức mầu của Như-lai, mười phương thuận theo gọi là Hoan Hỷ hạnh.

Hai câu đầu kết luận về đầy đủ ở trước, câu dưới nói về chân Chánh. Ở đây có hai nghĩa nên gọi là Hoan hỷ.

Vì đầy đủ vô lượng công đức của Phật.

Cho nên như Quán Âm (chín trăm hai mươi chín) nói: Ta lại được viên thông này, vì tu chứng đạo vô thượng. Lại có thể được bốn thứ vô tác diệu đức không thể suy nghĩ bàn luận. Đã nói không nghĩ bàn tức là vô lượng đức của Phật. Đức mầu này, trước đây chưa từng được, nay tự đầy đủ nên nói là Hoan hỷ.

2) Chúng sinh được hóa độ cho nên Hoan hỷ.

Mười phương: Tức là hiện mười thân làm lợi ích chúng sinh. Tùy thuận, có hai:

a) Chúng sinh các đường khác nhau:

Căn hạnh có khác, Bồ-tát thuận theo hoặc dùng hình tướng, hoặc dùng lời để hóa độ. Đây là nói về năng hóa thuận theo.

Bồ-tát hiện hóa nhiều thứ:

Chúng sinh thuận theo mỗi vị được giáo hóa đều có lợi ích. Đây là nói về sở hóa thuận theo. Năng sở đã thuận theo, cơ ứng đều sinh hoan hỷ cho nên lấy tên gọi ấy

b) Nhiều Ích hạnh:

Khéo lợi ích tất cả chúng sinh nên gọi là hạnh Nhiều Ích. Như thuận theo chúng sinh ở trên chính là khéo làm lợi ích chúng sinh, khéo

vui mừng sinh ra điều lành, cuối cùng khéo phá ác nhập lý, nên gọi là Nhiều ích.

3) Vô Sân hận hạnh:

Tự giác giác tha, không có chống trái, nên gọi là hạnh Vô Sân hận. Vì tự giác nên vô minh không thể chống cự trí. Vì giác tha cho nên hữu tình không trái với sự giáo hóa. Chướng ngại không thể chống cự, chúng sanh không thể trái. Tự lợi, lợi tha đã có nên gọi là Vô Sân hận.

4) Hạnh Vô Tận:

Chứng loại sinh ra, cùng tận mé vị lai, ba đời bình đẳng, mười phương thông đạt, gọi là hạnh Vô Tận, tùy cơ tùy cảm, hiện các thứ thân, tận mé vị lai, hóa độ lại hóa độ. Ba đời v.v... trở xuống là giải thích lý do. Vì biết ba đời vắng lặng, được cùng tận mé vị lai, vì đạt mười phương vô ngại, hiện được nhiều loại thân. Hoặc thời, hoặc xứ hiện hóa không dứt, nên nói là Vô tận.

5) Hạnh Ly si loạn:

Tất cả đều đồng, các thứ pháp môn, không hề sai lầm, gọi là hạnh ly si loạn.

Hiện nhiều thứ thân là Tam-muội hiện khắp sắc thân, nói vô lượng pháp, không lìa bốn thứ biện tài, hoặc thân, hoặc lời đều là trí dụng quy về lý.

*Kinh Hoa Nghiêm nói: **Bồ-tát này ngay trong một niệm được vô số Tam-muội. Biết rõ Tam-muội này đồng một thể tánh, cho đến được tất cả pháp trí tuệ chân thật. Bởi vậy có thể hợp muôn thứ pháp môn, không hề sai lầm, do không sai lầm nên gọi là Ly si loạn.***

6) Hạnh Thiện Hiện:

Ở trong đồng mà hiện nhiều thứ khác nhau, mỗi tướng khác đều đồng, gọi là hạnh Thiện Hiện.

Trong một hiện vô lượng, nên nói ở trong đồng hiện khác, thân và lời đều như vậy. Vì biết tất cả pháp đồng một pháp tánh, thực hành các thứ dị thuyết, mà không mất yếu chỉ một tánh, một tướng.

*Kinh Duy-ma nói: **Khéo phân biệt được tướng các pháp, đối với nghĩa đệ nhất bất động, nên gọi là Thiện Hiện.***

7) Hạnh Vô Trước:

Như thế cho đến mười phương hư không đầy khắp cát bụi, trong mỗi hạt bụi hiện các cõi mười phương, hiện bụi hiện cõi không chướng ngại nhau, gọi là hạnh Vô Trước.

Trước là trụ trước, tức là trở ngại. Một hạt bụi hiện mười phương là hiện cõi, không hoại một tướng trần là hiện trần: thế giới vi trần

không ngăn ngại nhau, đây là đại tiểu tự tại. Do Bồ-tát này trụ giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận. Cho nên được dụng này.

8) Hạnh Tôn Trọng:

Chúng chủng hiện tiền, đều là Ba-la-mật-đa đệ nhất nên gọi là hạnh Tôn Trọng. Hiện trần, hiện cõi, hiện thân, hiện lời không trở ngại nhau. Vì thế nói các thứ hiện tiền đều từ ba đức Viên dung Bát-nhã phát hiện, cho nên nói bậc nhất. Diệu hạnh này vượt qua tất cả các pháp môn, nên gọi là Tôn Trọng.

9) Hạnh Thiện Pháp:

Viên dung như thế có thể thành khuôn phép của Chư Phật mười phương. Nên gọi là hạnh Thiện Pháp.

Sở hiện như trên, diệu dụng vô ngại, nên gọi là Viên dung, mỗi pháp đều hợp với khuôn phép lợi sinh của Phật, Như-lai nên gọi là pháp hành.

10) Hạnh Chân Thật:

Mỗi pháp đều là thanh tịnh vô lậu, nhất chân vô vi vì tánh vốn như vậy. Nên gọi là hạnh Chân Thật. Nương chân khởi dụng, dụng không lìa thể, thể tức là chân như vô lậu thanh tịnh, pháp giới nhất chân. Thể của Pháp giới này sẵn có như thế, diệu dụng vô phương, nên nói là bốn nhiên. Vì tức là thể nên gọi là chân thật. Mười hạnh này đều là Bồ-tát chứng tự lợi lợi tha vô ngại tự tại viên dung diệu hạnh chân thật. Mỗi pháp đều phá vô minh nhỏ nhiệm, hiển trí đức Phật dần dần tròn đầy, có mười công dụng trí đoạn này, niệm niệm tương ứng với Tát-bà-nhã.

Kinh Hoa Nghiêm nói: **Hạnh Bồ-tát này giống với pháp giới hư không. Vì dùng diệu hạnh không thể suy nghĩ bàn luận của Chư Phật cho nên mười hạnh này viên dung vô ngại, tức là một luận mười, mười không lìa một. Cho nên điều sau cùng này gọi là mỗi pháp đều là thanh tịnh, vì tánh chân như bốn nhiên.**

5. Vị Thập Hồi Hương, có mười:

1) Cứu hộ Nhất Thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng hồi hướng.

Này A-nan! Người Thiện nam này, đầy đủ thần thông, thành Phật sự rồi, thuần khiết tinh chân, xa lìa các hoạn. Kết mười hạnh trước. Y theo thể khởi dụng, cho nên nói: Đầy đủ thần thông. Tự lợi lợi tha, hạnh mầu vô ngại, cho nên nói thành Phật sự rồi, Phật lấy việc độ sinh lợi tha làm sự nghiệp.

Thuần khiết tinh chân là nói về đức trí.

Xa lìa các hoạn là nói về đức đoạn.

Mười trí đoạn này đều không chứng mà chứng, không dứt mà dứt,

vì trí vốn chân, mê hoặc vốn vọng. Phải độ sinh dứt trừ tướng độ, hồi là tâm vô vi, hướng về đường Niết-bàn, nên gọi là cứu tất cả chúng sinh là tướng chúng sinh hồi hướng, đây là nói y theo dụng thành tựu thể, năng sở đều mất. Vì tướng chúng sinh là không, vốn là Niết-bàn.

Vì năng hóa duyên sinh vốn là vô tánh, cho nên nói dứt trừ tướng độ. Trong kinh Niết-bàn cũng có thuyết này, trí quên duyên gọi là tâm vô vi. Diệu lý Vô tác gọi là đường Niết-bàn, nhiếp dụng quy về thể nên gọi là hồi hướng, là quả Niết-bàn, đường tức là lý.

Vì nhiều lần thành địa đến chỗ rốt ráo, nên gọi là đường Niết-bàn. Kết danh rất dễ hiểu.

Hỏi: Trong mười hạnh vị có tướng độ hay chăng?

Đáp: Trước đó là nương thể khởi dụng. Lại nói về thần thông chuyển hóa chúng sinh, chưa nói dứt trừ tướng độ. Nay nhiếp dụng quy về thể này thuận theo nghĩa vắng lặng, cho nên dứt tướng độ. Y theo nghĩa tuy khác, nhưng về hạnh thì giống. Nếu không như vậy thì đâu có bậc đại sẽ chứng chân còn khởi tướng độ sinh?

2) Bất Hoại Hồi Hướng:

Hoại cái có thể hoại, xa lìa các điều đáng xa lìa, gọi là Bất Hoại Hồi Hướng. Nên phải xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa luống dối, cho nên nói hoại điều có thể hoại. Tâm như huyễn cũng lại xa lìa, cho nên nói xa lìa đều xa lìa, được không có chỗ lìa tức hợp với Niết-bàn, cho nên nói Bất Hoại Hồi Hướng.

3) Đẳng Nhất thiết Phật hồi hướng:

Bổn giác vắng lặng, giác bằng Phật giác nên gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng. Bổn tánh giác thể không hề sinh diệt. Cho nên nói là vắng lặng.

Giác thể vắng lặng này chư Phật ba đời tròn đầy không hai, cho nên nói giác bằng Phật giác. Đây là được bình đẳng giác đồng với Chư Phật, cho nên nói Đẳng nhất thiết Phật.

4) Chí nhất thiết xứ hồi hướng:

(Chín trăm ba mươi) Tinh chân phát minh, đất như đất Phật, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng. Tinh chân phát minh là trí hiển, đất như đất Phật là lý hiện trí sáng, lý thể không hai không khác, trí lý trùm khắp nên gọi là Chí Nhất Thiết Xứ.

5) Vô Tận Công Đức Tạng hồi hướng:

Thế giới Như-lai liên hệ với nhau, được nhập vô quái ngại. Gọi là Vô Tận Công đức Tạng hồi hướng. Bồ-tát này được thân Như-lai và thân cõi nước cùng nhập vào vô ngại tự tại. Vì các pháp công đức trong

Như-lai tạng thọ dụng vô tận.

6) Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng:

Đồng với Phật địa, đều sinh ra nhân thanh tịnh, y theo nhân phát huy, chứng đạo Niết-bàn, gọi là Tùy Thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng.

Đồng với Phật địa là Như-lai tạng, tức là địa trước như Phật địa, xưa nay có đủ tánh đức vô lậu. Đức này làm chỗ nương cho muôn hạnh, nên nói là nhân thanh tịnh, nương vào nhân này phát khởi hạnh quả, cho nên nói y theo nhân phát huy chứng đạo Niết-bàn, đường chính là nhân. Đây là muôn đức làm nhân cho muôn hạnh, muôn hạnh làm nhân Niết-bàn, hợp với hạnh lý, hạnh từ lý khởi. Cho nên nói thuận theo bình đẳng, sinh ra quả mẫu, gọi là gốc lành.

7) Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng:

Căn chân chánh đã thành mười phương, chúng sinh đều là bốn tánh của ta, tánh viên thành tựu chúng sinh không mất, gọi là Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng. Câu đầu là nhiếp trước, mười phương là nói tất cả chúng sinh đều là tâm tánh của ta, tâm tánh không ngoài, thâm nhiếp cùng khắp. Bản tánh của ta tròn đầy thành tựu, chúng sinh cũng vậy, nên nói không mất. Đây là được đồng thể đại bi, cho nên như vậy.

8) Tướng chân như hồi hướng:

Tức tất cả pháp lìa tất cả tướng, nhưng tức và lìa cả hai đều không mê đắm, gọi là tướng chân như hồi hướng, bởi vậy chính là tất cả pháp. Vì chân cho nên lìa tất cả tướng. Thể chân như này cũng không thật có, cho nên nói cả hai không mê đắm, cũng tức là ba đế, đối văn rất dễ thấy. Bồ-tát này hiểu rõ tất cả pháp tức là pháp giới chân thật không có tướng để lìa gọi là tướng chân như.

9) Vô Phược giải thoát hồi hướng:

Thật được sở tri, mười phương vô ngại, gọi là Vô Phược giải thoát hồi hướng. Câu đầu nhiếp ở trước, mười phương vô ngại, đã năng tức pháp lìa tướng, cho nên không bị các pháp tâm cảnh ràng buộc, nên nói vô phược. Vì vô phược cho nên tự tại vô ngại, gọi là giải thoát. Tướng giải thoát này bốn tánh cũng lìa, cho nên đều không.

10) Pháp giới vô lượng hồi hướng:

Tánh đức viên thành, lượng pháp giới diệt, gọi là pháp giới vô lượng hồi hướng, là nghĩa nhân của pháp Thánh. Cho nên nói là pháp giới. Nhưng có bốn thứ là sự, lý, sự lý vô ngại, sự sự vô ngại. Nay đều là Nhất chân pháp giới. Cho nên nói lượng diệt. Đây chỉ là tánh đức viên

thành, đối với Nhất chân pháp giới vô lượng có thể so lường. Cho nên nói: Pháp giới vô lượng. Lại chứng tánh đức mỗi pháp tròn đầy thành tựu, không thể tính kể, nhưng mười vị này tất cả hồi hướng không lìa ba thứ, là Bồ-đề thực tế chúng sinh. Nay, lại nói theo thực tế, hai thứ còn lại gồm nhiếp.

Đây là nương chân khởi dụng, đều là hướng về cõi đại Niết-bàn, thuận theo pháp giới, thể dụng tương xứng, viên dung tự tại. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói: Việc tu hạnh nguyện của Bồ-tát này đồng với pháp giới, như sự rộng lớn của hư không, đều hồi hướng cho tất cả chúng sinh, đồng hướng đến một Bồ-đề rốt ráo, nên gọi là Hồi Hướng. Các giai vị trước sau đều là nghĩa này, để y theo tăng thắng mà đặt ra tên gọi này. Nhưng các vị này đều ở trong một Vô Sinh nhẫn, tùy chỗ phát hạnh, nghĩa đặt tên khác, đều có thể viên chứng Thánh tánh, không riêng mà riêng. Cho nên chia ra các vị, khác mà không khác chỉ là nhất tâm. Cho nên kinh Niết-bàn nói: Phát tâm rốt ráo, cả hai không khác, Địa Tiên đã vậy, hậu vị có thể biết. Văn trước nói người này liền chứng Vô Sinh nhẫn. Từ đây dần dần tu, tùy theo phát hạnh mà an lập Thánh vị. Đã nói Thánh vị đâu chẳng phải chứng hay sao? Kế là gia hạnh vị, Kinh luận Đại Thừa, Tiểu thừa có nói năm vị là: Tư lương vị, Gia hạnh vị, Thông đạt vị, Tu tập vị, Cứu cánh vị. Nhưng có khai có hợp, bất định minh hiển, các luận Tiểu thừa và pháp tướng Đại thừa là nói về bốn vị, gọi là bốn gốc lành, là phần quyết chọn lựa, nhất là kinh Anh Lạc, Nhân Vương, Hoa Nghiêm v.v... tức hợp mà bất luận nhiếp ở Hồi hướng thứ mười, chỉ có văn kinh này nói về bốn vị: vì giáo viên dung, một nhiều vô ngại. Chỉ đối với một nhẫn mà chia ra các vị, không chia thì thôi, chia thì đầy đủ rõ ràng. Cho nên ở phần hồi hướng thứ mười nói đủ bốn thứ gia hạnh diệu viên.

Lại văn kinh này nói: Trước thì viên dung, sau thì cách biệt, vì trong viên dung không ngại hành bố, ngay nơi một vị là tất cả vị, tất cả vị là một vị, một nhiều vô ngại. Kinh Hoa Nghiêm cũng đồng.

Văn có hai:

1. Kết trước sinh sau:

Nầy A-nan! Người thiện nam này đều có bốn mươi một tâm thanh tịnh, kế là thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên. Chỗ khác nói gia hạnh thuộc về nội phạm vì chưa chứng Thánh tánh. Nay trải qua từ Địa Càn Tuệ trở xuống gọi là Thánh vị, đâu chỉ là gia hạnh? Cho nên ở đây đặc biệt nói là gia hạnh diệu viên.

2. Nói về gia hạnh, có bốn:

a. Noãn vị:

Tức dùng giác của Phật làm tâm của mình, hoặc xuất hoặc chưa xuất, như dùi cây muốn có lửa, nên gọi là Noãn địa. Phật giác là quả trí. Như văn trước nói: Bốn giác vắng lặng, giác bằng Phật giác, tinh chân phát minh, địa như Phật địa. Đây là dùng trí của quả Phật làm nhân tâm của mình. Nhưng vẫn chưa thể lìa nhân bày quả, nên nói hoặc xuất, hoặc chưa xuất, khi gần đăng địa sẽ phát trí này, cho nên nói hoặc xuất, giống như câu nệ vào tướng nhân còn chưa lìa được. Nên nói chưa xuất, giống như tướng nóng của cái dùi lửa, trước hiện ra lửa không lâu, lửa dụ cho Phật giác, dùi dụ cho gia hạnh, cây dụ cho tướng nhân, lửa xuất thì cây hết, giác hiện thì nhân mất, nhân mất là dụ cho hơi ấm. Đây là nói theo pháp trí.

b. Đảnh vị:

Lại dùng tâm mình thành Phật, hoặc nường hoặc không nường, như thân lên núi cao, vào hư không v.v... trở xuống có chút trở ngại nên gọi là Đảnh địa, trước đây dùng giác của Phật làm tâm mình, ngay nơi quả mà nói về nhân. Nay dùng tâm mình thành Phật tức là nhân hợp với quả. Tuy nhân quả hợp nhau, mà không mất hai tướng, cho nên nói hoặc nường, như ở đỉnh núi chân có mang giày, sẽ nói lên pháp giới không có phân biệt. Cho nên nói chẳng nường, như thân ở hư không. Ở dưới có chút trở ngại, dụ cho như nường, vì còn hai tướng, hai tướng là vô minh ngăn chướng nhập Sơ địa. Đây là nói theo lìa chướng.

c. Nhẫn vị:

Tâm và Phật cả hai đều đồng, khéo được Trung đạo, như người nhẫn việc không ôm ấp, không lộ ra ngoài. Gọi là Nhẫn địa. Trước thì chưa mất tướng nhân, kế thì chưa mất tướng quả, nay hai tướng nhân quả dung thành một thể, cho nên nói tâm Phật cả hai đều đồng. (Chín trăm ba mươi mốt).

Nhân quả đã mất, hai bên không lập, cho nên nói khéo được Trung đạo. Trung đạo này thể nó chứng không lâu, cho nên nói chẳng đeo mang. Nhưng còn chưa mất tướng Trung đạo, cho nên nói không lộ ra ngoài. Đây là nói theo hiển lý.

d. Thế đệ nhất vị:

Số lượng tiêu diệt, mê giác Trung đạo, cả hai không thể gọi tên. Cho nên gọi là Thế đệ nhất địa. Mê giác là hai, tức là nhân quả. Trung đạo là một, là lý sở chứng. Đây gọi là số lượng, Trung đạo không còn, nên nói cả hai không thể gọi tên. Vì không thể gọi tên nên nói là tiêu diệt. Số lượng thuộc về thế gian, nay tuy tiêu diệt, hoặc mong Sơ địa

chứng chân, còn gọi là Tự. Vì có sở đắc, nên Sơ địa thấy đạo gọi là Xuất thế gian. Đây là bờ mé sau cùng của thế gian nên gọi là bậc nhất. Bốn vị trên đây trong Duy Thức nói hai vị đầu y theo minh được hai định càng thêm sáng quán pháp tâm tứ. Quán gọi là bốn pháp bình đẳng, năng sở đều không. Hai vị sau y theo hai định không ngừng của Ấn Thuận, phát quán bốn thứ như thật, tức hai thứ không ở trước v.v... Nhưng đều có sở đắc, chưa chứng pháp thân. Cho nên Duy Thức nói vì có sở đắc cho nên không thật trụ vào Duy thức, ở đây đều nói riêng. Nay trải qua viên dung không ngại hành bố cho nên được nói dùng viên so sánh phân biệt. Bởi vậy, địa này gọi là Thế gian.

